TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG PẮC** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST Ngày 27 - 02- 2023 V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thành Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải, Bà Nguyễn Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Lường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 433/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc:*"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên toà số 47/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Lý Thị N, sinh năm 1978 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lý Văn M, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ**:** Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà Lý Thị N trình bày:**

Tôi và ông Lý Văn M tự do tìm hiểu, yêu thương nhau và đến với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ea Phê, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk. Theo giấy chứng nhận kết hôn số: 53, quyển số 01, cấp ngày 08 tháng 3 năm 2011.

Từ lúc sinh con xong, vợ chồng tôi thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, cuộc sống vợ chồng không vui vẻ, hạnh phúc do chồng tôi sống không có trách nhiệm với gia đình vợ con, mà còn nghiện rượu chè, cờ bạc, tài sản trong nhà có bao nhiêu thì chồng tôi đều cầm cố lấy tiền chơi bài bạc. Bên cạnh đó, chồng tôi còn thường xuyên chửi bới, xúc phạm và đánh đập tôi, nhiều lần dùng dao rượt đuổi tôi. Việc này đã được tôi và họ hàng khuyên ngân, động viên nhưng chồng tôi không chịu thay đổi. Trước nay, tôi vì con vì gia đình nên mới cố gắng chịu đựng mà kéo dài mối quan hệ này, nhưng đến nay tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã rất trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài thêm được nữa. Vì vậy, tôi quyết định ly hôn để giải thoát cho

nhau. Tôi thấy rằng mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không còn vui vẻ, hạnh phúc. Vì quá mệt mỏi về mối quan hệ hôn nhân như thế này và tôi thấy hiện tình cảm vợ chồng không còn, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc nên tôi làm đơn này đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chồng tôi là ông Lý Văn M.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Lý Thị N và ông Lý Văn M có con chung là cháu Lý Triệu Q, sinh ngày 15/12/2010. Khi ly hôn thì bà Lý Thị N có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng Cháu Q cho đến khi Cháu Q đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn ông Lý Văn M trình bày:***

Tôi và cô Lý Thị N tự do tìm hiểu, yêu thương nhau và đến với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ea Phê, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 08/3/2011.

Sau khi đăng ký kết hôn đến nay thì vợ chồng tôi không có mâu thuẫn hay xảy ra cãi vã gì cả. Tuy nhiên, do hoàn cảnh và điều kiện kinh tế nên vợ tôi phải đi làm ăn xa ở Bình Dương. Vợ tôi đi từ năm 2017 cho đến nay. Còn tôi thì ở nhà làm. Nên vợ chồng tôi không ở chung với nhau 1 thời gian. Chỉ đến Tết là hai bên mới gặp nhau. Sau khi Toà thông báo thì tôi mới biết sự việc là vợ tôi muốn ly hôn với tôi nên tôi rất bất ngờ. Cháu Q là con chung của tôi thì hiện đang được cô N đưa về ở nhà ông bà ngoại. Cách khoảng 6 km. Còn Quá trình giải quyết vụ án thì bản thân tôi đã suy nghĩ nhiều lần về việc ly hôn với vợ tôi là cô N nhưng tôi vẫn muốn níu kéo tình cảm của hai vợ chồng và tôi không đồng ý ly hôn với cô Lý Thị N vì tôi muốn cháu là con chung là Cháu Q được phát triển bình thường, lớn lên mà vẫn có đủ cha và mẹ. Nay co N yêu cầu ly hôn với tôi, tôi vẫn không đồng ý ly hôn với cô Lý Thị N.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Lý Thị N và ông Lý Văn M có con chung là cháu Lý Triệu Q, sinh ngày 15/12/2010. Khi ly hôn thì bà Lý Thị N có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tuy nhiên, do tôi không đồng ý ly hôn với cô Lý Thị N nên tôi không đồng ý với nguyện vọng của cô Lý Thị N về con chung, Nguyện vọng của tôi là cả hai vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Lý Triệu Q cho tới khi cháu trưởng thành.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử (HĐXX), nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 220; Điều 235; Điều 238; Điều 266; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị N.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Thị N được ly hôn với ông Lý Văn M.

- Về nuôi con chung: Giao con chung cháu Lý Triệu Q, sinh ngày 15/12/2010 cho bà Lý Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Ông Lý Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không xem xét.

- Về án phí: Bà Lý Thị N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của bà Lý Thị N, Toà án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật đang tranh chấp là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà Lý Thị N khởi kiện xin ly hôn ông Lý Văn M có địa chỉ tại Thôn 8, xã Ea Phê, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Thị N và ông Lý Văn M có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ea Phê, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk. Theo giấy chứng nhận kết hôn số: 53, quyển số 01, cấp ngày 08 tháng 3 năm 2011 nên quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông M là hợp pháp.

Theo lời trình bày của bà N, từ lúc sinh con xong, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, cuộc sống vợ chồng không vui vẻ, hạnh phúc do chồng bà là ông M sống không có trách nhiệm với gia đình vợ con, mà còn nghiện rượu chè, cờ bạc, tài sản trong nhà có bao nhiêu thì chồng tôi đều cầm cố lấy tiền chơi bài bạc. Bên cạnh đó, chồng bà còn thường xuyên chửi bới, xúc phạm và đánh đập bà, nhiều lần dùng dao rượt đuổi bà. Việc này đã được bà và họ hàng khuyên ngân, động viên nhưng chồng bà không chịu thay đổi.

Xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng anh chị tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Mặc dù chị đã nhiều lần khuyên giải để đảm bảo hạnh phúc gia đình nhưng ông M vẫn không thay đổi dẫn đến gia đình thường xuyên mâu thuẫn nên bà N và ông M đã sống ly thân, bà N đã đưa con về nhà bố mẹ ruột để sinh sống.

Quá trình giải quyết vụ án tại Toà án thì bị đơn ông Lý Văn M cho rằng lời khai của chị N trong các buổi làm việc là không đúng sự thật, giữa vợ chồng không có

mâu thuẫn hay xảy ra cãi vã gì cả. Tuy nhiên, do hoàn cảnh và điều kiện kinh tế nên vợ ông phải đi làm ăn xa ở Bình Dương. Vợ tôi đi từ năm 2017 cho đến nay. Còn ông thì ở nhà làm. Nên vợ chồng tôi không ở chung với nhau 1 thời gian. Chỉ đến Tết là hai bên mới gặp nhau. Sau khi Toà thông báo thì tôi mới biết sự việc là vợ tôi muốn ly hôn với tôi nên tôi rất bất ngờ. Cháu Q là con chung của tôi thì hiện đang được cô N đưa về ở nhà ông bà ngoại. Cách khoảng 6 km. Còn Quá trình giải quyết vụ án thì bản thân ông đã suy nghĩ nhiều lần về việc ly hôn với vợ ông là bà N nhưng ông vẫn muốn níu kéo tình cảm của hai vợ chồng và tôi không đồng ý ly hôn với bà Lý Thị N vì tôi muốn cháu là con chung là cháu Q được phát triển bình thường, lớn lên mà vẫn có đủ cha và mẹ. Nay bà N yêu cầu ly hôn với ông thì ông không đồng ý ly hôn với bà Lý Thị N.

Nguyện vọng của ông là cả hai vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho tới khi cháu trưởng thành.

Tuy nhiên, Hiện hai vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa và đang ly thân với nhau cho đến nay. Đồng thời, theo kết quả xác minh tại chính quyền địa phương thì đã xác định thông tin như sau: " Quá trình chung sống, chị N và anh M có xảy ra mâu thuẫn hay không, ban tự quản thôn 8 không nắm được vì chị N và anh M không yêu cầu ban tự quản thôn can thiệp, hoà giải. Tuy nhiên, chị N đã mang theo con đi làm ăn xã và sống ly thân với anh L từ năm 2017 đến nay, còn anh M một mình sinh sống tại địa phương. Hiện chị N và Cháu Q đang sống ở nhà ngoại". Điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Lý Thị N và ông Lý Văn M đã mâu thuẫn trầm trọng.

Căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả xác minh, các chứng cứ thu thập được đã có căn cứ xác định: Trong quá trình chung sống vợ chồng bà Lý Thị N và ông Lý Văn M đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2017 đến nay vợ chồng không còn chung sống với nhau, đã hoàn toàn bỏ mặc nhau, ai biết bổn phận người đó, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình quy định: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được."*

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Lý Thị N và ông Lý Văn M đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung của vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy, áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, cho bà Lý Thị N và ông Lý Văn M là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống với nhau vợ chồng bà Lý Thị N và ông Lý Văn M có 01 con chung là cháu Lý Triệu Q, sinh ngày 15/12/2010.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà N có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi. Ông Lý Văn M không đồng ý ly hôn với bà N nên ông không đồng ý với nguyện vọng của bà N về con chung.

Sau khi Tòa án giải thích các quy định pháp luật có liên quan và cho cháu viết bản tự khai để trình bày ý kiến của cháu thì cháu Lý Triệu Q có nguyện vọng ở với mẹ là bà Lý Thị N. Đồng thời, theo kết quả xác minh tại địa phương và căn cứ vào các tài

liệu chứng cứ đã được Tòa án thu thập được thì xác định bà N đang làm công nhân tại Bình Dương với thu nhập dao động hàng tháng từ 4.500.000 đồng/ đến 6.000.000 đồng có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giao con chung là cháu Lý Triệu Q cho bà N tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án, bà N tự thoả thuận không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự tự thoả thuận không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lý Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 220; Điều 235; Điều 238; Điều 266; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị N.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Lý Thị N được ly hôn với ông Lý Văn M.

- *Về nuôi con chung:* Giao con chung cháu Lý Triệu Q, sinh ngày 15/12/2010 cho bà Lý Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Ông Lý Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lý Thị N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2] Về án phí: Bà Lý Thị N phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số AA/2021/0016507 ngày 12 tháng 10 năm 2022.

[3] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- CCTHADS huyện Krông Pắc;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã Ea Phê;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thành Tâm